

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN VĂN LÃNG - TỈNH LẠNG SƠN**

Văn Lãng, năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĂN LÃNG - TỈNH LẠNG SƠN

Ngày tháng năm

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất.....	1
2. Cơ sở của công tác lập kế hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng.....	2
2.1. Căn cứ pháp lý của công tác kế hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng	2
2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ	5
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	6
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	6
1.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	6
1.1.2. Các nguồn tài nguyên.....	7
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	8
1.2.1. Về kinh tế	8
1.2.2. Về văn hóa - xã hội	9
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021.....	11
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021	11
2.1.1. Theo chỉ tiêu sử dụng đất	11
2.1.2. Kết quả thực hiện thu hồi đất	17
2.1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất	20
2.1.4. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.....	22
2.1.5. Kết quả thực hiện các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .	24
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 ...	33
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 ..	33
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	34
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	34
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	34
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	34
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân.....	36
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	38
3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp.....	40
3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp.....	45
3.3.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.....	53
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	54

3.5. Diện tích đất cần thu hồi	54
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	55
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	55
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	56
3.8.1. Cơ sở tính toán	56
3.8.2. Phương pháp tính toán	57
3.8.3. Kết quả tính toán	57
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	58
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	58
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	59
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất ...	59
4.4. Các giải pháp khác	60
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	61

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là tài sản quan trọng của mỗi quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là điều kiện cần cho mọi hoạt động sản xuất và đời sống. Quỹ đất của quốc gia được phân bổ theo từng cấp, từ cấp tỉnh tới cấp xã. Mỗi địa phương được phân bổ với một diện tích nhất định, dựa trên lịch sử hình thành và sự cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất theo từng ngành, phù hợp với điều kiện và tiềm năng phát triển của vùng.

Ngày nay, trong xu thế phát triển của xã hội, nhu cầu về đất để xây dựng nhà ở, mở rộng khu dân cư, xây dựng các công trình hạ tầng đã gây áp lực không nhỏ đến quỹ đất đai có hạn, đòi hỏi mỗi địa phương, các cấp, các ngành phải sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả.

Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, trong sự phát triển hài hoà, cân đối của từng địa phương và của đất nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tại Điều 22 Khoản 4 của Luật Đất đai năm 2013 quy định “Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và tại Điều 45 Khoản 3 quy định “Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện”.

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm là một nội dung được quy định Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã và được điều chỉnh sửa đổi trong Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

Huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn nằm trong vành đai biên giới phía Bắc của nước ta, vị trí địa lý của huyện không chỉ có ý nghĩa hết sức quan trọng

trong việc phát triển nền kinh tế cửa khẩu mà còn mang ý nghĩa chiến lược trong việc phòng thủ Quốc gia. Do đó, huyện cần có kế hoạch cụ thể để ưu tiên xây dựng các hạng mục, công trình phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng tổ chức triển khai lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Văn Lãng - tỉnh Lạng Sơn”**.

2. Cơ sở của công tác lập kế hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng

2.1. Căn cứ pháp lý của công tác kế hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Lạng Sơn;
- Nghị quyết số 818/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025;
- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2022 theo quy định tại khoản 3 điều 62 Luật đất đai; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
- Quyết định số 525/QĐ-UBND-KT ngày 08/04/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011 - 2020, xét đến 2025;

- Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về việc Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu II, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng;

- Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phi thuế quan giai đoạn I, thuộc Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn;

- Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tỷ lệ 1/5.000;

- Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn Phê duyệt dự án điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 2020 - 2024);

- Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

- Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035;

- Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 (lần 1);

- Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm đầu (năm 2021) của quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND huyện Văn Lãng phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị phía Nam thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 huyện Văn Lãng;

- Công văn số 1672/STNMT-QLĐĐ ngày 06/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022;

2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Lãng.

- Định hướng phát triển các ngành: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi,...

- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Na Sầm - huyện Văn Lãng - tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025.

- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Văn Lãng.

- Hồ sơ xây dựng nông thôn mới các xã huyện Văn Lãng.

- Hồ sơ thống kê đất đai năm 2020 huyện Văn Lãng.

- Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2022 huyện Văn Lãng.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Văn Lãng là huyện miền núi biên giới nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Lạng Sơn, cách thành phố Lạng Sơn 30 km. Huyện có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp với huyện Tràng Định;
- Phía Nam giáp với huyện Cao Lộc và huyện Văn Quan;
- Phía Đông giáp với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa;
- Phía Tây giáp với huyện Bình Gia.

Huyện Văn Lãng có tổng diện tích tự nhiên là 56.741,36 ha, có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng trong công tác bảo vệ an ninh quốc phòng Quốc gia với đường biên giới với nước CHND Trung Hoa trải dài 36 km qua 5 xã trên địa bàn huyện (Trùng Khánh, Thụy Hùng, Thanh Long, Tân Thanh và Tân Mỹ). Ngoài ra, có nhiều đường bộ, đường mòn thông thương với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đặc biệt có các cửa khẩu như Cửa khẩu Tân Thanh (xã Tân Thanh), Cửa khẩu Cốc Nam (xã Tân Mỹ), cặp chợ khu vực Nà Hình (xã Thụy Hùng).

b) Địa hình, địa mạo

Huyện Văn Lãng nằm gọn trong vùng máng trũng Cao - Lạng thuộc khu vực Đông Bắc Bắc Bộ. Địa hình huyện Văn Lãng bị chia cắt mạnh, có nhiều núi cao xen kẽ là các cánh đồng thung lũng hẹp ven sông, suối và các thung lũng núi đá vôi.

- Dạng địa hình núi đất là phổ biến, có độ dốc trên 25° chiếm trên 88% diện tích.

- Dạng địa hình núi đá chiếm 4,93% diện tích tự nhiên.

- Các dải thung lũng hẹp, vùng cánh đồng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp chiếm 6,18% diện tích tự nhiên.

- Các dải đồi thấp ($8 - 25^{\circ}$) không nhiều, diện tích khoảng 950 ha.

c) Khí hậu

Huyện Văn Lãng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với đặc trưng mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều và mùa đông khô hanh, ít mưa.

- Nhiệt độ trung bình năm là 24°C .

- Lượng mưa bình quân năm là 1.540 mm.

- Độ ẩm không khí bình quân 82%.
- Hướng gió thịnh hành là hướng Đông Bắc và Tây Nam.
- Lượng bốc hơi bình quân năm là 810 mm.
- Số giờ nắng trung bình năm là 1.466 giờ.

d) Thủy văn

Văn Lãng có hai hệ thống sông chính là sông Kỳ Cùng và sông Bắc Giang (Văn Mịch). Sông Kỳ Cùng chảy qua phần đất Nam - Tây Nam, chảy qua trung tâm huyện rồi đổ về hướng Bắc, có chiều dài chảy qua địa bàn huyện là 33 km. Sông Bắc Giang chảy qua xã Bắc La dài 5 km. Trên địa bàn huyện còn có 4 con suối chính là: Tân Mỹ, Khuổi Slin, Khuổi Rào và Thanh Long. Hai bên bờ sông, suối là những cánh đồng nhỏ, độ cao từ 3 - 10m so với mặt nước biển.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Trên địa bàn huyện gồm 8 loại đất chính sau:

- Đất đỏ vàng trên đá sét: Khoảng 49,72% diện tích đất điều tra.
- Đất vàng nhạt trên đá cát: Khoảng 6,64% diện tích đất điều tra.
- Đất vàng đỏ trên đá mácma axit: Khoảng 38,80% diện tích đất điều tra.
- Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa: Khoảng 1,61% diện tích đất điều tra.
- Đất nâu vàng trên phù sa cổ: Khoảng 0,07% diện tích đất điều tra.
- Đất phù sa ngòi suối: Khoảng 0,19% diện tích đất điều tra.
- Đất phù sa: Khoảng 0,97% diện tích đất điều tra.
- Đất dốc tụ: Khoảng 2,00% diện tích đất điều tra.

b) Tài nguyên nước

Trên địa bàn huyện có 2 con sông lớn chảy qua là sông Kỳ Cùng và sông Bắc Giang (Văn Mịch). Hệ thống suối trên địa bàn huyện khá dày đặc với 4 con suối lớn là suối Tân Mỹ, suối Khuổi Slin, suối Khuổi Rào, suối Thanh Long và một mạng lưới các khe suối khác có khả năng cung cấp nguồn nước cho các hoạt động của nhân dân trong huyện.

c) Tài nguyên rừng

Rừng là nguồn tài nguyên, là thế mạnh của huyện, diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ chủ yếu trong cơ cấu sử dụng đất toàn huyện. Tổ thành loài chủ yếu ở rừng núi đất là: Sau sau, kháo, dẻ, thẩu tẩu, thành ngạnh và một số loài cây phụ khác. Các cây rừng nhân tạo chủ yếu là: Bạch đàn, keo, thông,...

d) Tài nguyên khoáng sản:

Trên địa bàn huyện có một số khu vực có thể khai thác khoáng sản là quặng sắt, tuy nhiên trữ lượng nhỏ và nghèo nàn. Các mỏ sắt và đá vôi phân bố trên địa bàn xã Tân Mỹ, cát sỏi phân bố ở xã Bắc Việt, Bắc Hùng, Hoàng Việt. Nguồn khoáng sản này cần được tiếp tục khai thác trong thời gian tới. Khi khai thác cần chú ý bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Về kinh tế

a) Về sản xuất nông, lâm, nghiệp

- Sản xuất nông, lâm, nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng đạt 5.570,38 ha. Trong đó: Cây lúa 3815 ha; Cây ngô 970 ha; Cây chất bột có củ đạt 76,45 ha; Cây thực phẩm thực hiện 380,1 ha; Cây công nghiệp hàng năm (lạc, đỗ tương, 4mía) đạt 60,03 ha; Cây hàng năm khác (dưa hấu, thạch đen, ớt, cây thức ăn chăn nuôi) đạt 302,33 ha.

- Lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Tình hình phát triển đàn trâu đạt 4810 con; Đàn bò 1046 con; Đàn lợn đạt 4850 con. Tổng đàn gia cầm đạt 30764 con, tổng diện tích nuôi cá nước ngọt duy trì 99,0 ha. Mô hình nuôi cá lồng của Hợp tác xã thủy sản Thác Xăng, xã Bắc La phát triển ổn định, hiện tại có 91 lồng (Trong đó: 20 lồng cá Lăng phát triển mới năm 2021).

Công tác trồng rừng, trồng cây ăn quả được quan tâm chỉ đạo tích cực, đạt và vượt chỉ tiêu giao, việc khoán, chăm sóc, bảo vệ rừng được nhân dân thực hiện nghiêm túc. Độ che phủ rừng đạt 71,6%. Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, tuần rừng.

Hệ thống các công trình thủy lợi hoạt động cơ bản ổn định, đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất. Phong trào ra quân đầu xuân làm thủy lợi tiếp tục được các xã, thị trấn triển khai tích cực, theo dõi sát sao diễn biến thời tiết, lập phương án sẵn sàng ứng phó với các sự cố thiên tai có thể xảy ra.

b) Sản xuất Công nghiệp - Thủ công nghiệp:

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 189.454 triệu đồng. Một số sản phẩm chủ yếu của địa phương như: Sản phẩm đá các loại đạt 365 nghìn m³; hạt mài đạt 5.537 tấn.

c) Lĩnh vực thương mại - dịch vụ:

Cung ứng đầy đủ, kịp thời hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng. Tình hình lưu thông hàng hóa trên địa bàn cơ bản ổn định; việc cung cấp điện, nước phục vụ đời sống nhân dân được đảm bảo, không có sự cố xảy ra. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 860,2 triệu USD.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ bản ổn định. Các dịch vụ ngân hàng, bưu điện, viễn thông, vận tải hành khách và hàng hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Cung cấp điện, nước phục vụ đời sống của người dân được đảm bảo.

1.2.2. Về văn hóa - xã hội

a) Công tác Giáo dục - đào tạo

Tập trung chuẩn bị cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị dạy học cho năm học mới 2021 - 2022; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá đồng thời triển khai chương trình sách giáo khoa mới và tổ chức tập huấn cho giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 1, 2 và lớp 6. Ngày 05/9/2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn không tổ chức khai giảng năm học mới trực tiếp, Lễ khai giảng được tổ chức theo hình thức trực tuyến. Ngay sau ngày khai giảng năm học mới, các đơn vị trường học đã ổn định, tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua hình thức trực tuyến đảm bảo theo kế hoạch năm học, đến nay các cơ sở giáo dục tại 15/17 xã đã tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh. Tiếp tục duy trì vững chắc kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS tại 17/17 xã, thị trấn, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

b) Công tác Văn hóa - thông tin - thể thao

Tập trung tuyên truyền, tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn như: Chào mừng 91 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2021), tuyên truyền về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các hoạt động “*Mừng Đảng, mừng Xuân*” Tân Sửu 2021, cuộc bầu cử đại biểu

Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và Kỷ niệm 190 năm thành lập tỉnh Lạng Sơn (1831 - 2021), công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, tuyên truyền cài đặt ứng dụng Bluezon,... Tham gia Hội thi vườn Đào đẹp, cây Đào đẹp xuân Xứ Lạng năm 2021. Xây dựng Đề án phát triển Du lịch huyện Văn Lãng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức kiểm tra cơ sở kinh doanh các dịch vụ văn hóa trên địa bàn. Tổ chức thành công Lễ phát động Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” giai đoạn 2021 - 2030 và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2021, thành lập đoàn vận động viên tham gia các giải thể thao. Tại Khu lưu niệm Đồng chí Hoàng Văn Thụ đón tiếp 70 đoàn khách, trên 2.800 người đến tham quan và dâng hương.

Triển khai thực hiện các nội dung phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các nhà văn hóa thôn, khu tại 17/17 xã, thị trấn; bố trí địa điểm, khu vực bỏ phiếu góp phần thực hiện thành công cuộc bầu cử ĐBQH và HĐND các cấp 2021 - 2026. Công tác truyền thanh - truyền hình đã phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Tiếp phát đầy đủ các chương trình của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài phát thanh - Truyền hình Lạng Sơn.

c) Công tác Y tế, dân số, gia đình và trẻ em

Công tác chăm sóc sức khỏe, dân số kế hoạch hóa gia đình: Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được duy trì thường xuyên, đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tổng số khám chữa bệnh 63.915 lượt bệnh nhân, điều trị 5.212 bệnh nhân. Các chương trình mục tiêu về y tế - dân số như công tác tiêm chủng mở rộng được duy trì thực hiện thường xuyên tại 100% các xã, thị trấn; Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn, kiểm tra được 57 cơ sở, xử lý vi phạm 40 cơ sở (không mặc đầy đủ trang phục bảo hộ, chưa niêm yết giá,...). Thực hiện các hoạt động truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ, trẻ em và các chính sách về dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tiếp tục triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đối với 02 xã Gia Miễn và Thành Hòa trong năm 2021.

d) Công tác Lao động - thương binh - xã hội, chính sách dân tộc

Tập trung triển khai thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công, các chế độ về chính sách Bảo trợ xã hội, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát, kiểm tra, nắm chắc tình hình đời sống của nhân dân, nhất là các xã đặc biệt khó khăn, các hộ nghèo, cận nghèo, đảm bảo “Mọi người, mọi nhà đều có Tết”. Việc thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội và cứu đói đảm bảo đầy đủ kịp thời. Tiếp nhận và hỗ trợ gạo cứu đói giấp hạt của Thủ tướng Chính phủ cho các hộ gia đình đầy đủ. Thực hiện cứu trợ đột xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn do dịch Covid-19 tổng số 1.195 hộ, xuất quà trị giá 250.000/xuất/hộ, tổng kinh phí 297,5 triệu đồng. Thực hiện khảo sát dự án mô hình giảm nghèo tại 03 xã Trùng Khánh, Hồng Thái, Bắc Hùng. Công tác đào tạo nghề, lao động việc làm đã được quan tâm triển khai thực hiện, tạo việc làm mới trên 450 lao động; Triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, công tác bình đẳng giới hạn trên địa bàn.

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công tác dân tộc được quan tâm thực, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, sau sáp nhập toàn huyện có 167 người uy tín trong cộng đồng. Phối hợp với bảo hiểm xã hội huyện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

2.1.1. Theo chỉ tiêu sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Văn Lãng được phê duyệt tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Đến nay UBND huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất tính đến 31/12/2021 như sau:

Bảng 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo KHSDD được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	Tổng diện tích đất tự nhiên		56.741,36	56.741,36	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	50.237,41	51.089,07	851,67	101,70
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.329,44	3.396,49	67,06	102,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.263,73</i>	<i>2.310,47</i>	<i>46,74</i>	<i>102,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.058,43	5.151,52	93,09	101,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.624,25	1.647,45	23,20	101,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.754,90	6.772,91	18,01	100,27
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	33.277,83	33.966,60	688,77	102,07
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>21.212,88</i>	<i>21.353,77</i>	<i>140,89</i>	<i>100,66</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	145,93	147,40	1,48	101,01
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	46,64	6,70	-39,94	14,37
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.887,10	2.990,10	-897,00	76,92
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	52,50	41,73	-10,77	79,48
2.2	Đất an ninh	CAN	2,76	1,61	-1,15	58,41
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	50,00		-50,00	
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	125,55	23,69	-101,86	18,87
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	319,54	166,27	-153,27	52,03
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	40,52	6,97	-33,55	17,20
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	45,45	20,21	-25,24	44,47
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.525,63	1.239,95	-285,68	81,27
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	1.045,18	883,08	-162,10	84,49
-	Đất thủy lợi	DTL	58,50	59,12	0,62	101,06
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,08	6,07	-0,01	99,88
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,41	3,46	0,05	101,47
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	29,92	26,76	-3,16	89,43
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	115,09	7,59	-107,50	6,59
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK				
-	Đất công trình năng lượng	DNL	192,28	186,98	-5,30	97,25
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,24	1,24		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	0,80	0,80		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	21,24	20,24	-1,00	95,29
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	47,04	39,75	-7,29	84,50
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	4,85	4,86	0,01	100,21
-	Đất công trình công cộng khác	DCK				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo KHSDD được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	23,12	0,08	-23,04	0,35
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	638,03	431,07	-206,96	67,56
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	48,20	38,39	-9,81	79,65
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,46	13,49	0,03	100,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,05	0,05		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,66	10,69	0,03	100,28
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	966,79	970,99	4,20	100,43
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,06	20,07	0,01	100,05
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,78	4,84	0,06	101,26
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.616,86	2.662,19	45,33	101,73

a) Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 50.237,41 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2021 là 51.089,07 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 851,67 ha. Chi tiết kết quả thực hiện chỉ tiêu các loại đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa:

Kế hoạch được duyệt là 3.329,44 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 3.396,49 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 67,06 ha. Do một số công trình, dự án năm 2021 dự kiến lấy vào đất trồng lúa nhưng chưa thực hiện được như: Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn; Dự án cải tạo tuyến đường ĐH 13 và khu dân cư biệt thự Du lịch sinh thái; Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng);... Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo vấn đề an ninh lương thực, bảo vệ diện tích đất trồng lúa theo chủ trương của Chính phủ các công trình, dự án quy hoạch lấy vào đất trồng lúa được quản lý chặt chẽ hơn, huyện đã có các chính sách bảo vệ nghiêm ngặt đất trồng lúa.

Trong đó: Diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo kế hoạch được duyệt là 2.263,73 ha, đến 31/12/2021 là 2.310,47 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 46,74 ha do các dự án dự kiến thực hiện năm 2021 lấy vào đất chuyên trồng lúa nước nhưng chưa thực hiện được.

- Đất trồng cây hàng năm khác:

Kế hoạch được duyệt là 5.058,43 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 5.151,52 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 93,09 ha. Do một số công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2021 lấy vào đất trồng cây hàng năm khác nhưng chưa thực hiện được như: Dự án cải tạo tuyến đường ĐH 13 và khu dân cư biệt thự Du lịch sinh thái; Khu liên doanh chăn nuôi, chế biến thịt lợn đảm bảo an toàn dịch bệnh khu vực biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc,...

- Đất trồng cây lâu năm:

Kế hoạch được duyệt là 1.624,25 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 1.647,45 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 23,20 ha. Do một số công trình, dự án dự kiến trong năm 2021 lấy vào đất trồng cây lâu năm nhưng chưa thực hiện được như: Dự án khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo; Dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân Sơn,...

- Đất rừng phòng hộ:

Kế hoạch được duyệt là 6.754,90 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 6.772,91 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 18,01 ha. Do dự án xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2 dự kiến lấy vào đất rừng phòng hộ nhưng chưa thực hiện được.

- Đất rừng sản xuất:

Kế hoạch được duyệt là 33.277,83 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 33.966,60 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 688,76 ha. Do một số dự án dự kiến thực hiện trong năm 2021 lấy vào đất rừng sản xuất nhưng chưa thực hiện được như: Mỏ đất đắp; Cụm công nghiệp Văn Lãng 1; Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn,...

- Đất nuôi trồng thủy sản:

Kế hoạch được duyệt là 145,93 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 147,40 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 1,48 ha. Do một số dự án dự kiến thực hiện trong năm 2021 lấy vào đất nuôi trồng thủy sản nhưng chưa thực hiện được như: Xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I + Khu II); Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn, Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xã Tân Mỹ, Tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn)-Trà Lĩnh (Cao Bằng),...

- Đất nông nghiệp khác:

Kế hoạch được duyệt là 46,64 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 6,70 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 39,94 ha. Do chưa thực hiện dự án Khu liên doanh chăn nuôi, chế biến thịt lợn đảm bảo an toàn dịch bệnh khu vực biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc.

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 3.887,10 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 2.990,10 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 897,00 ha. Cụ thể kết quả thực hiện các chỉ tiêu của các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng:

Kế hoạch được duyệt là 52,50 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 41,73 ha chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 10,77 ha. Do chưa thực hiện được các công trình: Công trình Đ Ban CHQS Văn Lãng; Công trình T/Đồn Biên phòng Na Hình; Thao trường bắn đôn biên phòng Na Hình (Khu I).

- Đất an ninh:

Kế hoạch được duyệt là 2,76 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 1,61 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 1,15 ha. Do chưa thực hiện được các dự án Xây mới trụ sở công an các xã Tân Mỹ, Bắc Việt, Trùng Khánh, Gia Miễn, Thụy Hùng, Thanh Long.

- Đất cụm công nghiệp:

Kế hoạch được duyệt là 50,00 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện so với kế hoạch. Do chưa thực hiện dự án Cụm công nghiệp Văn Lãng 1.

- Đất thương mại, dịch vụ:

Kế hoạch được duyệt là 125,55 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 23,69 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 101,86 ha. Do chưa thực hiện được các dự án: Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn; Dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân Sơn; Dự án cải tạo tuyến đường ĐH 13 và khu dân cư biệt thự Du lịch sinh thái.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Kế hoạch được duyệt là 319,54 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 166,27 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 153,27 ha. Do chưa thực hiện được các dự án như: Dự án xây dựng khu sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản tập trung (xã Tân Mỹ); Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất hoặc giao đất,...

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Kế hoạch được duyệt là 40,52 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 6,97 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 33,55 ha. Do chưa thực hiện được dự án khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo, xã Tân Mỹ.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Kế hoạch được duyệt là 45,45 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 20,21 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 25,24 ha. Do chưa thực hiện được các dự án như: Mỏ đất đắp, mở rộng mỏ đá vôi Lũng Vạm.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo kế hoạch được duyệt là 1.525,63 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 1.239,95 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 285,68 ha. Do chưa thực hiện được các dự án như: Tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Xây mới sân thể thao thị trấn Na Sầm; Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói;...

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng:

Kế hoạch được duyệt là 23,12 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 0,08 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 23,04 ha. Do chưa thực hiện được dự án Khu vui chơi thuộc dự án Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn.

- Đất ở tại nông thôn:

Kế hoạch được duyệt là 638,03 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 431,07 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 206,96 ha. Do chưa thực hiện được các dự án như: Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trên địa bàn các xã; Xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I + khu II);...

- Đất ở tại đô thị:

Kế hoạch được duyệt là 48,20 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 38,39 ha, chưa chuyển mục đích đất khác sang so với kế hoạch là 9,81 ha. Do chưa thực hiện được các dự án như: Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị; Đấu giá khu 3 (Ao cạn);...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Theo phương án kế hoạch được duyệt là 13,46 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 13,49 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 0,03 ha. Do dự án Nhà trực vận hành điện khu vực xã Hội Hoan dự kiến lấy vào đất xây dựng trụ sở cơ quan trong năm kế hoạch chưa thực hiện được.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:*

Kế hoạch được duyệt là 0,05 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 0,05 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng:*

Kế hoạch được duyệt là 10,66 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 10,69 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 0,03 ha. Do dự án xây mới khu thể thao thôn Nà Lùng dự kiến lấy vào đất cơ sở tín ngưỡng chưa thực hiện được.

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:*

Kế hoạch được duyệt là 966,79 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 970,99 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 4,20 ha. Do các dự án như: Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II);... dự kiến lấy vào đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối chưa thực hiện được.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng:*

Kế hoạch được duyệt 20,06 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 20,07 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 0,01 ha.

- *Đất phi nông nghiệp khác:*

Kế hoạch được duyệt là 4,78 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 4,84 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 0,06. Do dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II) dự kiến lấy vào đất phi nông nghiệp khác chưa thực hiện được.

c) Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng theo kế hoạch được duyệt còn 2.616,86 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 2.662,19 ha, chưa chuyển mục đích so với kế hoạch là 45,33 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng theo kế hoạch như: Dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân sơn; Dự án xây dựng khu sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản tập trung (xã Tân Mỹ); Dự án khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng;...

2.1.2. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Văn Lãng được phê duyệt tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Đến nay, UBND huyện đã triển khai việc thu hồi đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện thu hồi đất tính đến 31/12/2021 của huyện như sau:

Bảng 02: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2021

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích thu hồi đất theo KHSDD 2021 được duyệt (ha)	Diện tích thu hồi đất năm 2021 đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	940,44	108,31	11,52
1.1	Đất trồng lúa	LUA	74,68	14,18	18,99
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>52,70</i>	<i>6,95</i>	<i>13,19</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	114,71	31,20	27,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34,31	10,19	29,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	18,00	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	697,12	52,59	7,54
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,62	0,15	9,26
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	21,86	14,94	68,34
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	16,70	14,61	87,49
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,76	0,28	36,84
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,05	-	-
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,04	-	-
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4,25	0,05	1,18
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,06	-	-

- Tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi theo kế hoạch được duyệt là 940,44 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 108,31 ha, đạt 11,52% so với kế hoạch.

Trong đó:

+ Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt là 74,68 ha, đã thực hiện đến 31/12/2021 là 14,18 ha, đạt 18,99% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất trồng lúa nhưng chưa thực hiện được như: Xây mới sân vận động Thị trấn Na Sầm; Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn- Trà Lĩnh (Cao Bằng));...

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt là 114,71 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 31,20 ha, đạt 27,20% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất trồng cây hàng năm khác nhưng chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II); Xây mới trụ sở công an xã Bắc Việt;...

+ Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt là 34,31 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 10,19 ha, đạt 29,70% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất trồng cây lâu năm nhưng chưa thực hiện được như: Cụm công nghiệp Văn Lãng 1; Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng);...

+ Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được duyệt là 18,00 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện được theo kế hoạch. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2 dự kiến thu hồi đất rừng phòng hộ.

+ Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt là 697,12 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 52,59 ha, đạt 7,54% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất rừng sản xuất nhưng chưa thực hiện được như: Công trình T/Đồn Biên phòng Na Hình; Cụm công nghiệp Văn Lãng 1;...

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được duyệt là 1,62 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 0,15 ha, đạt 9,26% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất nuôi trồng thủy sản nhưng chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I + Khu II); Đấu giá đất ở (Khu đất ao thủy nông);...

- Tổng diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi theo kế hoạch được duyệt là 21,86 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 14,94 ha, đạt 68,34% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Kế hoạch được duyệt là 16,70 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 14,61 ha, đạt 87,49% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nhưng chưa thực hiện được như: Dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân Sơn; Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II);...

+ Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt là 0,76 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 0,28 ha, đạt 36,84% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất ở tại nông thôn nhưng chưa thực hiện được như: Dự án khu du lịch nhà ở xứ Lạng Thủy Vân Sơn; Dự án khu đô thị sinh thái Thủy Vân Sơn;...

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch được duyệt là 0,05 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện được theo kế hoạch. Nguyên nhân do dự án Nhà trực vận hành điện khu vực xã Hội Hoan dự kiến thu hồi đất xây dựng trụ sở cơ quan chưa thực hiện được.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch được duyệt là 0,04 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện được theo kế hoạch. Nguyên nhân do dự án Xây mới khu thể thao thôn Nà Lùng dự kiến thu hồi đất cơ sở tín ngưỡng chưa thực hiện được.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch được duyệt là 4,25 ha, đã thực hiện đến 31/12/2021 là 0,05 ha, đạt 1,18% so với kế hoạch do chưa thực hiện được các dự án dự kiến thu hồi lấy vào đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối như: Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II);...

+ Đất phi nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt là 0,06 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện được theo kế hoạch. Nguyên nhân do dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I + Khu II) chưa thực hiện được.

2.1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Văn Lãng được phê duyệt tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Đến nay, UBND huyện đã triển khai việc chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất tính đến 31/12/2021 của huyện như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích CMD theo KHSDD 2021 được duyệt (ha)	Diện tích chuyển mục đích năm 2021 đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	961,28	109,62	11,40
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	75,83	14,40	18,99
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>53,85</i>	<i>7,11</i>	<i>13,20</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	114,71	31,66	27,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	35,22	10,68	30,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	18,00	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	715,90	52,73	7,37
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,62	0,15	9,26
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		26,25	-	-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,63	-	-
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	25,62	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,06	-	-

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 961,28 ha, đã thực hiện đến 31/12/2021 là 109,62 ha, đạt 11,40% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 75,83 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 14,40 ha, đạt 18,99% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến lấy vào đất trồng lúa nhưng chưa chuyển mục đích như: Nâng công suất MBA phân phối đảm bảo cấp điện mùa nắng nóng 2021; Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn;...

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 114,71 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 31,66 ha, đạt 27,60% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến lấy vào đất trồng cây hàng năm khác nhưng chưa chuyển mục đích như: Khu liên doanh chăn nuôi, chế biến thịt lợn đảm bảo an toàn dịch bệnh khu vực biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc; Xử lý điểm đen TNGT Km12+700 - Km13+200 QL,4A, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;...

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 35,22 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 10,68 ha, đạt 30,32% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số dự án dự kiến lấy vào đất trồng cây lâu năm nhưng chưa chuyển mục đích như: Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị; Dự án xây dựng khu sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản tập trung,...

+ Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được duyệt là 18,00 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện được chỉ tiêu theo kế hoạch. Nguyên nhân do công trình Xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2 dự kiến lấy vào đất rừng phòng hộ nhưng chưa thực hiện.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 715,90 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 52,73 ha, đạt 7,37% so với kế hoạch. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến lấy vào đất rừng sản xuất nhưng chưa chuyển mục đích như: Dự án cải tạo tuyến đường ĐH 13 và khu dân cư biệt thự Du lịch sinh thái; Dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân sơn; Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn,...

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 1,62 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 0,15 ha, đạt 9,26% so với kế hoạch. Do một số công trình, dự án dự kiến lấy vào đất nuôi trồng thủy sản nhưng chưa chuyển mục đích như: Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn- Trà Lĩnh (Cao Bằng), Xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I + Khu II),...

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 26,25 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện được chỉ tiêu. Nguyên nhân do dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn các xã Hoàng Việt, Hoàng Văn Thụ, Thụy Hùng, Khu liên doanh chăn nuôi, chế biến thịt lợn đảm bảo an toàn dịch bệnh khu vực biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc chưa thực hiện.

- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: Kế hoạch được duyệt là 3,06 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện so với kế hoạch do chưa thực hiện được dự án đất ở lấy vào các loại đất phi nông nghiệp khác.

2.1.4. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Văn Lãng được phê duyệt tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng tính đến 31/12/2021 của huyện như sau:

Bảng 04: Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đưa đất CSD vào sử dụng theo KHSDĐ 2021 được duyệt (ha)	Diện tích đưa đất CSD vào sử dụng năm 2021 đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	50,18	4,85	9,67
2.1	Đất an ninh	CAN	0,21	-	-
2.2	Đất thương mại dịch vụ	TMD	13,84	-	-
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,13	-	-
2.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,70	-	-
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,00	-	-
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,85	4,85	100,00
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,25	-	-
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	0,20	-	-

* Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất phi nông nghiệp kế hoạch được duyệt là 50,18 ha, đến 31/12/2021 thực hiện được 4,85 ha, đạt 9,67% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất an ninh: Kế hoạch được duyệt là 0,21 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được như: Xây mới trụ sở Công an xã Thanh Long, xã Gia Miễn.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất thương mại dịch vụ: Kế hoạch được duyệt là 13,84 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này. Nguyên nhân do dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân sơn dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất sử dụng cho cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt là 1,13 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này. Nguyên nhân do một số công trình, dự án dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng khu sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản tập trung (xã Tân Mỹ); Trạm trộn bê tông công ty CP Thuận An Phát 161.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Kế hoạch được duyệt là 22,70 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này theo kế hoạch do dự án Khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo, xã Tân Mỹ dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất sử dụng cho đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch được duyệt là 6,00 ha, đến 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này. Nguyên nhân do dự án Mở rộng mỏ đá vôi Lũng Vạm dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Kế hoạch được duyệt là 4,85 ha, thực hiện đến 31/12/2021 là 4,85 ha, đạt 100% so với kế hoạch.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt là 1,25 ha, đến ngày 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này. Nguyên nhân do dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I + khu II) dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được.

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất ở tại đô thị: Kế hoạch được duyệt là 0,20 ha, đến ngày 31/12/2021 chưa thực hiện chỉ tiêu này. Nguyên nhân do dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị dự kiến lấy vào đất chưa sử dụng nhưng chưa thực hiện được.

2.1.5. Kết quả thực hiện các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Văn Lãng được phê duyệt tại Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Trong năm 2021 huyện có 80 công trình, dự án cần thực hiện. Tuy nhiên, do một số yếu tố khách quan như nguồn vốn đầu tư, công trình không còn khả thi. Năm 2021 huyện đã thực hiện được kết quả như sau:

- Đã thực hiện: 22/80 công trình, dự án với tổng diện tích 198,46 ha, đạt 27,50% so với kế hoạch.
- Đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2022: 19/80 công trình, dự án với tổng diện tích 28,05 ha, chiếm 23,75% so với kế hoạch.
- Chưa thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2022: 27/80 công trình, dự án với tổng diện tích 397,69 ha, chiếm 33,75% so với kế hoạch.
- Hủy bỏ: 12/80 công trình, dự án với tổng diện tích 1.163,17 ha do không còn khả thi, vị trí không còn phù hợp, chiếm 15,00% so với kế hoạch.

Cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng cây lâu năm: Chưa thực hiện 01/01 dự án.
- Đất nông nghiệp khác: Chưa thực hiện 01/01 dự án.
- Đất quốc phòng: Chưa thực hiện 03/03 dự án.
- Đất an ninh: Chưa thực hiện 03/06 dự án, hủy bỏ 03/06 dự án.
- Đất cụm công nghiệp: Chưa thực hiện 01/01 dự án.
- Đất thương mại dịch vụ: Hủy bỏ 03/03 dự án.
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Đã thực hiện 04/10 dự án, Chưa thực hiện 04/10 dự án, hủy bỏ 02/10 dự án .
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chưa thực hiện 01/01 dự án.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chưa thực hiện 02/02 dự án.
- Đất giao thông: Đã thực hiện 03/06 dự án, chưa thực hiện 02/06 dự án, hủy bỏ 01/06 dự án (Hết hạn nghị quyết chuyển đăng ký mới).
- Đất thủy lợi: Đã thực hiện 02/03 dự án, chưa thực hiện 01/03 dự án.
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Đã thực hiện 01/01 dự án.
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo: Đã thực hiện 03/04 dự án, đang thực hiện 01/04 dự án.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Đã thực hiện 01/10 dự án; đang thực hiện 08/10 dự án; chưa thực hiện 01/10 dự án.
- Đất công trình năng lượng: Đã thực hiện 08/19 dự án; đang thực hiện 02/19 dự án, chưa thực hiện 06/19 dự án, hủy bỏ 03/19 dự án.
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chưa thực hiện 01/01 dự án.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chưa thực hiện 01/01 dự án.
- Đất ở tại nông thôn: Đang thực hiện 01/03 dự án, chưa thực hiện 02/03 dự án.
- Đất ở tại đô thị: Đang thực hiện 02/03 dự án, chưa thực hiện 01/03 dự án.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đang thực hiện 01/01 dự án.

Bảng 05: Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án năm 2021

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
I	Đất quốc phòng				
1	Công trình Đ Ban CHQS Văn Lãng	0,40	Khu 5, thị trấn Na Sầm	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
2	Công trình T/Đồn Biên phòng Na Hình	9,49	Thôn Bản Tả, xã Thụy Hùng	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
3	Thao trường bắn đồn biên phòng Na Hình (Khu I)	0,89	Thôn Bản Tả, xã Thụy Hùng	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
II	Đất an ninh				
1	Xây mới trụ sở công an xã Gia Miễn	0,20	Bản Cáp, xã Gia Miễn	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
2	Xây mới trụ sở công an xã Tân Mỹ	0,25	Thôn Tà Lài, xã Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
3	Xây mới trụ sở công an xã Bắc Việt	0,20	Thôn Vạn Xuân, xã Bắc Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
4	Xây mới trụ sở công an xã Trùng Khánh	0,13	Thôn Manh Trên, xã Trùng Khánh	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
5	Xây mới trụ sở công an xã Thụy Hùng	0,16	Thôn Pác Cáy, xã Thụy Hùng	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
6	Xây mới trụ sở công an xã Thanh Long	0,20	Thôn Pác Cú, xã Thanh Long	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
III	Đất cụm công nghiệp				
1	Cụm công nghiệp Văn Lãng 1	50,00	Cốc Lĩnh, thôn Hợp Nhất, xã Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
IV	Đất thương mại dịch vụ				
1	Dự án khu du lịch nhà ở Xứ Lạng Thủy Vân Sơn	420,00	Xã Bắc La	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
2	Dự án cải tạo tuyến đường ĐH 13 và khu dân cư biệt thự du lịch sinh thái	210,00	Các xã Bắc La, Tân Tác, Bắc Việt	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
3	Dự án khu đô thị, sinh thái Thủy Vân Sơn	450,00	Thị trấn Na Sầm, xã Bắc Hùng, Bắc Việt	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
1	Bến xe hàng hoá xuất nhập khẩu và khu chế biến nông lâm thủy hải sản tập chung, dịch vụ thương mại. (Trong đó: Đất giao thông diện tích 25,68 ha, đất sản xuất kinh doanh 24,32 ha)	50,00	Thôn Nà Han, xã Tân Thanh	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
2	Dự án xây dựng khu sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản tập trung (Xã Tân Mỹ)	30,90	Thôn Khơ Đa, xã Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (năm 2022)
3	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu phi thuế quan theo quy hoạch được duyệt để thực hiện đấu giá hoặc giao đất, cho thuê đất...	39,25	Xã Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
4	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nhà xưởng Phúc Khang thuộc khu phi thuế quan	66,00	Xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
5	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất 156 tại khu phi thuế quan (Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp)	12,58	Khu phi thuế quan, xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
6	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất 178 tại khu phi thuế quan (Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp)	1,74	Khu phi thuế quan, xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
7	Dự án xây dựng nhà máy thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da Nguyên Hồng	3,04	Thôn Pó Mìn, Lũng Vài, xã Bắc Hùng	Đã thực hiện	
8	Trạm trộn bê tông công ty CP Thuận An Phát 161	1,13	Thôn Thanh Hào, xã Bắc Hùng	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
9	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	3,30	Thôn Bình Lập, xã Gia Miễn	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
10	Xưởng gỗ bóc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	3,00	Các xã, thị trấn	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
VI	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				
1	Dự án khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	33,55	Thôn Tà Lại, xã Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
VII	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm				
1	Mỏ đất đắp	7,46	Xã Hoàng Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
		3,88	Bản Quan, xã Bắc Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
		3,12	Bản Gioong, xã Bắc Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
		4,78	Xã Hồng Thái	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
2	Mở rộng mỏ đá vôi Lũng Vạm	6,00	Thôn Thanh Hào, xã Bắc Hùng	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
VIII	Đất giao thông				
1	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT Km20+00-Km20+500 QL.4A, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	0,05	Xã Bắc Hùng	Đã thực hiện	
2	Xử lý điểm đen TNGT Km9+700-Km9+950 QL.4A, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	1,45	Nà Lặng - Nà Kéo Mới, xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
3	Xử lý điểm đen TNGT Km12+700 - Km13+200 QL.4A, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	1,60	Xã Hoàng Việt	Đang thực hiện	Hủy bỏ (Hết hạn nghị quyết chuyển đăng ký mới)
4	Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	148,06	Thị trấn Na Sầm, các xã Hoàng Việt, Bắc Việt, Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
5	Xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2	18,00	Các xã Tân Mỹ, Tân Thanh, Thanh Long, Thụy Hùng, Trùng Khánh	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
6	Đường dẫn Cầu Văn An - Nhạc Kỳ, huyện Văn Quan, huyện Văn Lãng.	0,54	Xã Nhạc Kỳ	Đã thực hiện	
IX	Đất thủy lợi				
1	Dự án kè chống sạt lở bờ tả sông Kỳ Cùng thị trấn Na Sầm	0,20	Khu 1, thị trấn Na Sầm	Đã thực hiện	
2	Xây mới đập thủy lợi Khun Gioong	1,60	Thôn Liên Hợp, xã Bắc Việt	Đã thực hiện	
3	Xây trạm bơm xã Hồng Thái (Xây mới trạm bơm Hua Châu)	0,08	Xã Hồng Thái	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
X	Đất xây dựng cơ sở văn hóa				
1	Xây dựng nhà văn hóa xã Tân Mỹ	0,02	Xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
XI	Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo				
1	Xây mới Trường mầm non xã Tân Mỹ	0,62	Thôn Nà Lặng, xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
2	Xây mới trường mầm non xã Thành Hòa	0,09	Thôn Thống Nhất, xã Thành Hòa	Đang thực hiện	Đã xây dựng xong chưa chuyển mục đích, chuyển tiếp năm 2022 để cấp giấy chứng nhận

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
3	Mở rộng trường mầm non Nam La	0,05	Thôn Đồng Tâm, xã Hội Hoan	Đã thực hiện	
4	Mở rộng trường TH&THCS xã Trùng Khánh	0,37	Thôn Manh Trên, xã Trùng Khánh	Đã thực hiện	
XII	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao				
1	Xây mới sân vận động thị trấn Na Sầm	2,20	Khu 8, thị trấn Na Sầm	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
2	Xây mới sân thể thao trung tâm xã Tân Mỹ	1,25	Thôn Hợp Nhất, xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	Đã xây dựng xong chưa chuyển mục đích, chuyển tiếp năm 2022 để cấp giấy chứng nhận
3	Xây mới khu thể thao thôn Cốc Mặn	0,04	Thôn Cốc Mặn, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
4	Xây mới khu thể thao thôn Nà Lùng	0,04	Thôn Nà Lùng, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
5	Xây mới khu thể thao thôn Long Tiến	0,06	Thôn Long Tiến, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
6	Xây mới khu thể thao thôn Nà Pàn	0,06	Thôn Nà Pàn, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
7	Xây mới khu thể thao thôn Nà Phiêng	0,02	Thôn Nà Phiêng, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
8	Xây mới khu thể thao thôn Bó Châu	0,03	Thôn Bó Châu, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
9	Xây mới khu thể thao thôn Quyết Thắng	0,03	Thôn Quyết Thắng, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
10	Xây mới khu thể thao thôn Thuận Lợi	0,03	Thôn Thuận Lợi, xã Hoàng Văn Thụ	Đang thực hiện	
XIII	Đất công trình năng lượng				
1	Cây máy biến áp CQT giảm bán kính cấp điện cho TBA Na Sầm 2	0,03	Thị trấn Na Sầm	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
2	Cây máy biến áp CQT giảm bán kính cấp điện cho TBA Miến thuế 1	0,03	Xã Tân Thanh	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
3	Cây máy biến áp CQT giảm bán kính cấp điện cho TBA Nà Tông	0,03	Thôn Nà Tông, xã Tân Thanh	Đã thực hiện	

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
4	Cây máy biến áp chống quá tải, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng điện áp khu vực Hữu Lũng, Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	0,03	Xã Tân Thanh	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
5	Cây MBA CQT giảm tổn thất, xử lý điện áp thấp khu vực huyện Hữu Lũng, Văn Lãng	0,04	Xã Tân Thanh	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
6	Dự án cấp điện thôn bản từ lưới điện quốc gia (2081)	0,03	Xã Gia Miễn	Đã thực hiện	
7	Xây dựng đường điện 35KV đầu nối thủy điện Bản Nhùng tới các TBA	0,11	Xã Hồng Thái	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
8	Nhà trực vận hành điện khu vực xã Hoàng Việt	0,12	Xã Hoàng Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
9	Nhà trực vận hành điện khu vực xã Hội Hoan	0,05	Xã Hội Hoan	Đang thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
10	Đường dây 110kV từ 220kV Lạng Sơn - Đồng Đăng (mạch 2)	0,08	Xã Tân Mỹ	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (Hết hạn nghị quyết chuyển đăng ký mới)
11	Hoàn thiện xuất tuyến 35KV Đồng Đăng - Hồng Phong - Khánh Khê - Lộ 371 E13.6 Đồng Đăng	0,04	Xã Tân Mỹ	Đã thực hiện	
12	Hoàn thiện xuất tuyến 35KV Đồng Đăng - Tân Thanh - Lộ 371E13.6 Đồng Đăng	0,40	Các xã Tân Thanh, Tân Mỹ	Đã thực hiện	
13	Thủy điện Bản Nhùng (Kỳ cùng 6)	106,99	Các xã Hoàng Việt, Hồng Thái	Đã thực hiện	
14	Cải tạo, kết nối mạch vòng 35KV san tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất, nâng cao điện áp khu vực thành Phố, Văn Lãng các lộ 373E 13.2, 376E13.2, 377E13.6, tỉnh Lạng Sơn	0,04	Các xã Thành Hòa, Gia Miễn, Hội Hoan, Bắc Việt, Tân Tác và thị trấn Na Sầm	Đã thực hiện	
15	Nâng cao năng lực mạch vòng Đồng Đăng - Đồng Mỏ và độ tin cậy cung cấp điện khu vực các huyện.	0,06	Các xã, thị trấn	Đã thực hiện	
16	Cây TBA CQT lưới điện và giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Lãng, Tráng Định năm 2021	0,06	Các xã, thị trấn	Đã thực hiện	
17	Nâng công suất MBA phân phối đảm bảo cấp điện mùa nắng nóng 2021	0,06	Các xã, thị trấn	Đang thực hiện	Hủy bỏ (Công trình không lấy vào đất)
18	Lắp đặt thiết bị Recloser + LBS cho lưới điện trung áp 35kV năm 2021.	0,06	Các xã, thị trấn	Đang thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
19	Nâng cao năng lực mạch vòng Đồng Đăng - Đồng Mỏ và độ tin cậy cung cấp điện khu vực 03 huyện Văn Lãng, Tráng Định, Bình Gia	0,04	Các xã, thị trấn	Chưa thực hiện	Hủy bỏ (Hết hạn nghị quyết chuyển đăng ký mới)
XIV	Đất bãi thải, xử lý chất thải				
1	Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói	1,00	Thôn Kéo Van, xã Bắc Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
XV	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng				
1	Xây mới khu nghĩa trang	7,40	Thôn Nà Lặng, Tà Lài, xã Tân Mỹ	Đang thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
XVI	Đất ở tại nông thôn				
1	Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II)	17,13	Thôn Bản Thầu, xã Tân Thanh	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
2	Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xã Tân Mỹ	5,03	Thôn Hợp Nhất, xã Tân Mỹ	Đang thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn	6,22	Các thôn, các xã (16 xã)	Đang thực hiện (Đã thực hiện 1,26 ha)	Chuyển tiếp năm 2022 (4,96ha)
XVII	Đất ở tại đô thị				
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị	8,39	Các khu thị trấn Na Sầm	Đang thực hiện (Đã thực hiện 0,05 ha)	Chuyển tiếp năm 2022 (8,34ha)
2	Đấu giá khu 3 (Ao cạn)	1,33	Khu 3 (Ao Cạn), thị trấn Na Sầm	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
3	Đấu giá đất ở (Khu đất ao thùy nông)	0,14	Khu 1, thị trấn Na Sầm	Đang thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
XVIII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan				
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Thành Hòa	0,01	Thôn Thống Nhất, xã Thành Hòa	Đang thực hiện	Đã xây dựng xong chưa chuyển mục đích, chuyển tiếp năm 2022 để cấp giấy chứng nhận

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá tình hình thực hiện	Ghi chú
XIX	Đất nông nghiệp khác				
1	Khu liên doanh chăn nuôi, chế biến thịt lợn đảm bảo an toàn dịch bệnh khu vực biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc	39,95	Thôn Nà Tông, xã Trùng Khánh	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022 (19,77ha), hủy bỏ 20,18ha
XX	Đất trồng cây lâu năm				
1	Chuyển mục đích sử dụng sang trồng cây ăn quả lâu năm	0,19	Các thôn, xã Hoàng Việt	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
		2,04	Thị trấn Na Sầm	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
		0,44	Xã Thụy Hùng	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022
		1,67	Thôn Đâng Van, xã Thanh Long	Chưa thực hiện	Chuyển tiếp năm 2022

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Sau khi phân tích, đánh giá các chỉ tiêu sử dụng đất, kết quả thực hiện các công trình, dự án sử dụng đất năm 2021, nhận thấy những vấn đề còn tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất như sau:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trên địa bàn huyện phải thực hiện biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

- Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, khả năng huy động vốn chưa đáp ứng được yêu cầu do đó gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Một số công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án, việc đo đạc, lập hồ sơ đất đai, hoàn thiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất chiếm nhiều thời gian hơn dự kiến nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Một số công trình, dự án đã xây dựng xong và đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục chuyển mục đích vì vậy kết quả thực hiện chuyển mục đích đạt thấp và ảnh hưởng đến việc quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Khi lập kế hoạch sử dụng đất, các đơn vị đăng ký nhu cầu sử dụng đất chưa xác định được tính khả thi, khả năng đầu tư để thực hiện dự án trong năm.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất cần được làm rõ bởi những nguyên nhân sau:

- Việc cùng lúc có nhiều dự án, công trình được đề xuất triển khai đã gây khó khăn cho tỉnh, huyện trong việc phân bổ vốn. Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, khả năng huy động vốn, thu hút đầu tư bằng nguồn vốn ngoài huyện vào chưa đáp ứng được yêu cầu. Thiếu vốn đầu tư hoặc nguồn vốn còn bị động gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, cá nhân chưa xác định được tính khả thi của công trình, dự án để thực hiện trong năm kế hoạch, nguồn vốn thực hiện còn hạn chế dẫn đến tình trạng nhiều công trình, dự án chuyển tiếp qua các năm vẫn chưa thực hiện được.

- Công tác giải phóng mặt bằng phục vụ cho các dự án còn có những khó khăn nhất định, một số nội dung chưa thể giải quyết dứt điểm làm chậm tiến độ thực hiện dự án do đó phải kéo dài thời gian thực hiện.

- Một số công trình, dự án chưa hoàn thiện thủ tục về đất đai nên công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất vẫn chưa thực hiện xong.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện nay, UBND tỉnh Lạng Sơn đang triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp tỉnh nên chưa có chỉ tiêu phân bổ cho các huyện, thành phố.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022, đưa vào kế hoạch thực hiện những dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được xác định có tính khả thi và cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội huyện.

Bảng 06. Danh mục các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021, tiếp tục thực hiện năm 2022

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
I	Đất quốc phòng		
1	Công trình Đ Ban CHQS Văn Lãng	0,40	Khu 5, thị trấn Na Sầm
2	Công trình T/Đồn Biên phòng Na Hình	9,49	Thôn Bản Tả, xã Thụy Hùng
3	Thao trường bắn đồn biên phòng Na Hình (Khu I)	0,89	Thôn Bản Tả, xã Thụy Hùng
II	Đất an ninh		
1	Xây mới trụ sở công an xã Gia Miễn	0,20	Bản Cáp, xã Gia Miễn
2	Xây mới trụ sở công an xã Tân Mỹ	0,25	Thôn Tà Lại, xã Tân Mỹ
3	Xây mới trụ sở công an xã Bắc Việt	0,20	Thôn Vạn Xuân, xã Bắc Việt
III	Đất cụm công nghiệp		
1	Cụm công nghiệp Văn Lãng 1	50,00	Cốc Lĩnh, thôn Hợp Nhất, xã Tân Mỹ
IV	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu phi thuế quan theo quy hoạch được duyệt để thực hiện đầu giá hoặc giao đất, cho thuê đất...	39,25	Xã Tân Mỹ
2	Trạm trộn bê tông công ty CP Thuận An Phát 161	1,13	Thôn Thanh Hào, xã Bắc Hùng
3	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	3,30	Thôn Bình Lập, xã Gia Miễn
4	Xưởng gỗ bóc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	3,00	Các xã, thị trấn
V	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
1	Dự án khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	33,55	Thôn Tà Lại, xã Tân Mỹ
VI	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
1	Mỏ đất đắp	7,46	Xã Hoàng Việt
		3,88	Bản Quan, xã Bắc Việt
		3,12	Bản Gioong, xã Bắc Việt
		4,78	Xã Hồng Thái
2	Mở rộng mỏ đá vôi Lũng Vạm	6,00	Thôn Thanh Hào, xã Bắc Hùng
VII	Đất giao thông		
1	Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	148,06	Thị trấn Na Sầm, các xã Hoàng Việt, Bắc Việt, Tân Mỹ
2	Xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2	18,00	Các xã Tân Mỹ, Tân Thanh, Thanh Long, Thụy Hùng, Trưng Khánh
VIII	Đất thủy lợi		
1	Xây trạm bơm xã Hồng Thái (Xây mới trạm bơm Hua Châu)	0,08	Xã Hồng Thái
IX	Đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo		
1	Xây mới trường mầm non xã Thành Hòa	0,09	Thôn Thống Nhất, xã Thành Hòa
X	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		
1	Xây mới sân vận động thị trấn Na Sầm	2,20	Khu 8, thị trấn Na Sầm
2	Xây mới khu thể thao thôn Cốc Mặn	0,04	Thôn Cốc Mặn, xã Hoàng Văn Thụ
3	Xây mới khu thể thao thôn Nà Lùng	0,04	Thôn Nà Lùng, xã Hoàng Văn Thụ
4	Xây mới khu thể thao thôn Long Tiến	0,06	Thôn Long Tiến, xã Hoàng Văn Thụ
5	Xây mới khu thể thao thôn Nà Pàn	0,06	Thôn Nà Pàn, xã Hoàng Văn Thụ
6	Xây mới khu thể thao thôn Nà Phiêng	0,02	Thôn Nà Phiêng, xã Hoàng Văn Thụ
7	Xây mới khu thể thao thôn Bó Châu	0,03	Thôn Bó Châu, xã Hoàng Văn Thụ
8	Xây mới khu thể thao thôn Quyết Thắng	0,03	Thôn Quyết Thắng, xã Hoàng Văn Thụ
9	Xây mới khu thể thao thôn Thuận Lợi	0,03	Thôn Thuận Lợi, xã Hoàng Văn Thụ
XI	Đất công trình năng lượng		
1	Cây máy biến áp CQT giảm bán kính cấp điện cho TBA Na Sầm 2	0,03	Thị trấn Na Sầm
2	Cây máy biến áp CQT giảm bán kính cấp điện cho TBA Miễn thuế 1	0,03	Xã Tân Thanh
3	Cây máy biến áp chống quá tải, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng điện áp khu vực Hữu Lũng, Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	0,03	Xã Tân Thanh

STT	Hạng mục	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
4	Cây MBA CQT giảm tổn thất, xử lý điện áp thấp khu vực huyện Hữu Lũng, Văn Lãng	0,04	Xã Tân Thanh
5	Xây dựng đường điện 35KV đầu nối thủy điện Bản Nhùng tới các TBA	0,11	Xã Hồng Thái
6	Nhà trực vận hành điện khu vực xã Hoàng Việt	0,12	Xã Hoàng Việt
7	Nhà trực vận hành điện khu vực xã Hội Hoan	0,05	Xã Hội Hoan
8	Lắp đặt thiết bị Recloser + LBS cho lưới điện trung áp 35kV năm 2021.	0,06	Các xã, thị trấn
XII	Đất bãi thải, xử lý chất thải		
1	Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói	1,00	Thôn Kéo Van, xã Bắc Việt
XIII	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
1	Xây mới khu nghĩa trang	7,40	Thôn Nà Lặng, Tà Lại Xã Tân Mỹ
XIV	Đất ở tại nông thôn		
1	Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II)	17,13	Thôn Bản Thầu, xã Tân Thanh
2	Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xã Tân Mỹ	5,03	Thôn Hợp Nhất, xã Tân Mỹ
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn	6,22	Các thôn, các xã (16 xã)
XV	Đất ở tại đô thị		
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị	8,39	Các khu, thị trấn Na Sầm
2	Đấu giá khu 3 (Ao cạn)	1,33	Khu 3 (Ao Cạn), thị trấn Na Sầm
3	Đấu giá đất ở (Khu đất ao thủy nông)	0,14	Khu 1, thị trấn Na Sầm
XVI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Thành Hòa	0,01	Thôn Thống Nhất, xã Thành Hòa
XVII	Đất nông nghiệp khác		
1	Khu liên doanh chăn nuôi, chế biến thịt lợn đảm bảo an toàn dịch bệnh khu vực biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc	39,95	Thôn Nà Tông, xã Trùng Khánh
XVIII	Đất trồng cây lâu năm		
1	Chuyển mục đích sử dụng sang trồng cây ăn quả lâu năm	0,19	Các thôn, xã Hoàng Việt
		2,04	Thị trấn Na Sầm
		0,44	Xã Thụy Hùng
		1,67	Thôn Đàng Van, xã Thanh Long

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

- Đất trồng lúa:

Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa năm 2022 bổ sung thêm 0,01 ha tại xã Bắc La.

- *Đất trồng cây hàng năm khác:*

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2022 bổ sung thêm 0,13 ha tại xã Thanh Long, Bắc Việt, thị trấn Na Sầm.

- *Đất nuôi trồng thủy sản:*

Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 bổ sung thêm 2,16 ha tại các xã Thụy Hùng, Trùng Khánh, Hoàng Văn Thụ, Thành Hòa.

- *Đất nông nghiệp khác:*

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2022 bổ sung thêm 1,40 ha tại các xã Bắc Việt, Hoàng Việt, Tân Thanh, Bắc Hùng, Tân Tác, Hoàng Văn Thụ.

- *Đất quốc phòng:*

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng năm 2022 bổ sung thêm 17,54 ha tại các xã Hồng Thái, Tân Mỹ.

- *Đất an ninh:* Nhu cầu sử dụng đất năm 2022 bổ sung thêm 0,29 ha tại xã Hoàng Văn Thụ và xã Thành Hòa.

- *Đất thương mại, dịch vụ:*

Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2022 bổ sung thêm 0,02 ha tại xã Tân Thanh.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 bổ sung thêm 14,70 ha tại các xã Tân Thanh, Thụy Hùng, Tân Mỹ, Bắc Việt, Thành Hòa, Hội Hoan.

- *Đất giao thông:*

Nhu cầu sử dụng đất giao thông năm 2022 bổ sung thêm 136,55 ha tại các xã Tân Thanh, Tân Mỹ, Bắc La, Hoàng Việt, Bắc Hùng, thị trấn Na Sầm.

- *Đất thủy lợi:*

Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi năm 2022 bổ sung thêm 22,03 ha tại các xã Trùng Khánh, Hồng Thái, Hội Hoan, Thanh Long, Hoàng Việt, Bắc Việt, Bắc La, Nhạc Kỳ.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2022 bổ sung thêm 1,47 ha tại các xã, thị trấn.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế:*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2022 bổ sung thêm 0,17 ha tại xã Bắc Việt.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo năm 2022 bổ sung thêm 0,65 ha tại các xã Thụy Hùng, Trùng Khánh, Thành Hòa.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2022 bổ sung thêm 2,63 ha tại các xã Tân Thanh, Trùng Khánh, Thanh Long, Nhạc Kỳ.

- Đất công trình năng lượng:

Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng năm 2022 bổ sung thêm 0,72 ha tại các xã, thị trấn.

- Đất có di tích lịch sử văn hóa:

Nhu cầu sử dụng đất có di tích lịch sử văn hóa năm 2022 bổ sung thêm 0,15 ha tại xã Hoàng Văn Thụ.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 bổ sung thêm 4,50 ha tại xã Bắc Hùng.

- Đất ở tại nông thôn:

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2022 bổ sung thêm 12,77 ha phân bổ tại các xã.

- Đất ở tại đô thị:

Nhu cầu sử dụng đất ở đô thị năm 2022 bổ sung thêm 22,09 ha tại thị trấn Na Sầm.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 bổ sung thêm 1,21 ha tại các xã Bắc La, Thanh Long, Trùng Khánh và thị trấn Na Sầm.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Năm 2022 trên địa bàn huyện có 124 công trình, dự án cần thực hiện, trong đó 88 công trình, dự án đăng ký mới và 36 công trình, dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sang (Giảm 10 công trình, dự án do gộp tên các công trình dự án). Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trên địa bàn huyện năm 2022 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 07. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2021		Kế hoạch SDD năm 2022		So sánh KHSDD 2022/2021
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích đất tự nhiên		56.741,36	100,00	56.741,36	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	51.089,07	90,04	50.530,13	89,05	-558,94
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.396,49	5,99	3.250,85	5,73	-145,64
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.310,47</i>	<i>4,07</i>	<i>2.188,93</i>	<i>3,86</i>	<i>-121,54</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.151,52	9,08	5.062,82	8,92	-88,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.647,45	2,90	1.608,15	2,83	-39,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.772,91	11,94	6.754,83	11,90	-18,08
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	33.966,60	59,86	33.678,15	59,35	-288,45
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>21.353,77</i>	<i>37,63</i>	<i>21.245,62</i>	<i>37,44</i>	<i>-108,15</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	147,40	0,26	147,46	0,26	0,06
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,70	0,01	27,87	0,05	21,17
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.990,10	5,27	3.583,67	6,32	593,57
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	41,73	0,07	70,05	0,12	28,32
2.2	Đất an ninh	CAN	1,61	0,00	2,55	0,00	0,94
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			50,00	0,09	50,00
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	23,69	0,04	23,20	0,04	-0,49
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	166,27	0,29	263,26	0,46	96,99
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	6,97	0,01	40,52	0,07	33,55
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,21	0,04	45,45	0,08	25,24
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.239,95	2,19	1.552,35	2,74	312,40
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	DGT	883,08	1,56	1.152,33	2,03	269,25
-	Đất thủy lợi	DTL	59,12	0,10	82,29	0,15	23,17
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,07	0,01	6,98	0,01	0,91
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,46	0,01	3,52	0,01	0,06
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	26,76	0,05	27,35	0,05	0,59
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	7,59	0,01	11,89	0,02	4,30
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK					
-	Đất công trình năng lượng	DNL	186,98	0,33	188,18	0,33	1,20
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,24	0,00	1,24	0,00	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	0,80	0,00	0,95	0,00	0,15
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	20,24	0,04	25,74	0,05	5,50
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	39,75	0,07	47,02	0,08	7,27
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
-	Đất chợ	DCH	4,86	0,01	4,86	0,01	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2021		Kế hoạch SDD năm 2022		So sánh KHSDD 2022/2021
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,08	0,00	3,38	0,01	3,30
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	431,07	0,76	459,39	0,81	28,32
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	38,39	0,07	59,07	0,10	20,68
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,49	0,02	14,73	0,03	1,24
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,05	0,00	0,05	0,00	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,69	0,02	10,74	0,02	0,05
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	970,99	1,71	964,08	1,70	-6,91
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,07	0,04	20,07	0,04	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,84	0,01	4,78	0,01	-0,06
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.662,19	4,69	2.627,56	4,63	-34,63

3.3.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

Quỹ đất nông nghiệp của huyện theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 50.530,13 ha, giảm 558,94 ha so với năm 2021. Chi tiết kế hoạch sử dụng các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

3.3.1.1. Đất trồng lúa

Diện tích đất trồng lúa theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3.250,85 ha, thực giảm 145,64 ha so với năm 2021. Trong đó:

a. Giảm 145,65 ha chuyển sang các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,08 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây hàng năm khác tại các xã Bắc Việt, Thanh Long, thị trấn Na Sầm.

- Đất trồng cây lâu năm: 0,63 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng sang trồng cây ăn quả lâu năm tại các xã Hoàng Việt, Thụy Hùng, Thanh Long và thị trấn Na Sầm.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,68 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng sang đất nuôi trồng thủy sản tại các xã Thụy Hùng, Thanh Long, Trùng Khánh, Thành Hòa.

- Đất nông nghiệp khác: 0,02 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng dự án trang trại chăn nuôi tại xã Hoàng Văn Thu.

- Đất an ninh: 0,10 ha để thực hiện dự án Xây mới trụ sở công an xã Gia Miễn.

- Đất cụm công nghiệp: 8,00 ha để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Văn Lãng 1 tại xã Tân Mỹ.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 24,75 ha để thực hiện các dự án:

- + Khu chế biến nông, lâm, thủy, hải sản tập trung và giới thiệu sản phẩm;
- + Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 88,78 ha. Trong đó:
 - + Đất giao thông: 75,00 ha để thực hiện các dự án dự án thành phần 2 (đoạn Hữu Nghị - Chi Lăng và tuyến nhánh kết nối với cửa khẩu Tân Thanh, Cốc Nam) thuộc dự án cao tốc Bắc Giang, Lạng Sơn tại xã Tân Mỹ; Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) tại thị trấn Na Sầm và các xã Hoàng Việt, Bắc Việt, Tân Mỹ;...
 - + Đất thủy lợi: 12,34 ha để thực hiện các dự án dự án hồ chứa Hồ Co Khảo tại xã Trùng Khánh; Xây trạm bơm xã Hồng Thái (Xây mới trạm bơm Hua Châu); Hệ thống đập dâng Hội Hoan, đập Thanh Long; Đập dâng Lọ Trà tại xã Hoàng Việt;...
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,04 ha để thực hiện dự án mở rộng trường tiểu học xã Thành Hòa (Mở rộng tiểu học xã Thành Hòa).
 - + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 0,97 ha để thực hiện các dự án xây mới sân vận động thị trấn Na Sầm; Dự án sân thể thao thôn Nà Tồng.
 - + Đất công trình năng lượng: 0,29 ha để thực hiện các dự án lắp đặt thiết bị Recloser + LBS cho lưới điện trung áp 35kV năm 2021; Xây dựng đường điện 35KV đầu nối thủy điện Bản Nhùng tới các TBA; Chống quá tải lưới điện;...
 - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,14 ha để thực hiện dự án nâng cấp khu lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ.
 - Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 0,88 ha để thực hiện các dự án dự án xây dựng khu đô thị phía nam thị trấn.
 - Đất ở tại nông thôn: 9,84 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn.
 - Đất ở tại đô thị: 10,20 ha, để thực hiện các dự án:
 - + Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị;
 - + Dự án xây dựng khu đô thị phía nam thị trấn;
 - + Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất hoặc giao đất.
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,69 ha để thực hiện các dự án sau:
 - + Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng;
 - + Xây mới trụ sở UBND xã Bắc La.

b. Tăng 0,01 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sang đất trồng lúa tại xã Bắc La, lấy vào đất trồng cây hàng năm khác.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 2.188,93 ha, thực giảm 121,54 ha so với năm 2021.

3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 5.062,82 ha, thực giảm 88,70 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Giảm 88,83 ha chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 0,01 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 2,03 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,48 ha;

+ Đất nông nghiệp khác: 0,24 ha;

+ Đất quốc phòng: 0,40 ha;

+ Đất an ninh: 0,39 ha;

+ Đất cụm công nghiệp: 1,00 ha;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 25,22 ha;

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 0,40 ha;

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 39,70 ha;

+ Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 1,24 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 12,05 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 5,57 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha.

- Tăng 0,13 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây hàng năm tại xã Bắc Việt, xã Thanh Long, thị trấn Na Sầm. Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 0,08 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,05 ha.

3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm

Diện tích đất trồng cây lâu năm theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.608,15 ha, thực giảm 39,30 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Giảm 43,64 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất nông nghiệp khác: 0,09 ha;

+ Đất an ninh: 0,34 ha;

+ Đất cụm công nghiệp: 3,00 ha;

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 7,33 ha;
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 1,05 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp huyện: 23,18 ha;
- + Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 1,18 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 2,98 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 4,39 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha.
- Tăng 4,34 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng sang trồng cây ăn quả lâu năm tại xã Hoàng Việt, thị trấn Na Sầm, xã Thanh Long, xã Thụy Hùng. Lấy vào các loại đất sau:
- + Đất trồng lúa 0,63 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm: 2,03 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 1,67 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,01 ha.

3.3.1.4. Đất rừng phòng hộ

Diện tích đất rừng phòng hộ theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 6.754,83 ha, giảm 18,08 ha so với năm 2021 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 18,00 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 0,08 ha.

3.3.1.5. Đất rừng sản xuất

Diện tích đất rừng sản xuất theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 33.678,15 ha, giảm 288,45 ha so với năm 2021, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất trồng cây lâu năm: 1,67 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 20,82 ha;
- Đất quốc phòng: 27,88 ha;
- Đất an ninh: 0,10 ha;
- Đất cụm công nghiệp: 38,00 ha;
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 33,68 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 9,40 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: 19,24 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 133,63 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 3,71 ha;

- Đất ở tại đô thị: 0,07 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,20 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha.

Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 21.245,62 ha, giảm 108,15 ha so với năm 2021 để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Văn Lãng 1; Dự án bến xe hàng hóa xuất nhập khẩu và khu chế biến nông lâm thủy hải sản dịch vụ thương mại (đất giao thông 24 ha, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 24 ha);...

3.3.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích đất cho mục đích đất nuôi trồng thủy sản theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 147,46 ha, thực tăng 0,06 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 2,16 ha để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nuôi trồng thủy sản tại các xã Thụy Hùng, Trùng Khánh, Hoàng Văn Thụ, Thành Hòa. Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 1,68 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,48 ha.
- Giảm 2,10 ha do chuyển sang các loại đất sau:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,05 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm: 0,01 ha;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,01 ha;
 - + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,43 ha;
 - + Đất ở tại nông thôn: 1,25 ha;
 - + Đất ở tại đô thị: 0,25 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha.

3.3.1.7. Đất nông nghiệp khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022, diện tích đất nông nghiệp khác là 27,87 ha, tăng 21,17 ha so với năm 2021 để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng dự án trang trại chăn nuôi tại các xã Trùng Khánh, Bắc Việt, Tân Tác, Bắc Hùng, Tân Thanh, Hoàng Văn Thụ. Lấy vào các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 0,02 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,24 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 0,09 ha;
- Đất rừng sản xuất: 20,82 ha.

3.3.2. Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

Quỹ đất phi nông nghiệp huyện Văn Lãng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3.583,67 ha, tăng 593,57 ha so với năm 2021. Chi tiết kế hoạch sử dụng các loại đất phi nông nghiệp như sau:

3.3.2.1. Đất quốc phòng

Diện tích đất quốc phòng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 70,05 ha, tăng 28,32 ha so với năm 2021 để thực hiện các công trình:

- + Công trình Đ Ban CHQS Văn Lãng tại thị trấn Na Sầm;
- + Công trình T/Đồn Biên phòng Na Hình và Thao trường bắn đôn biên phòng Na Hình (Khu I) tại xã Thụy Hùng;
- + Công trình C1 huyện Văn Lãng tại xã Hồng Thái;
- + Công trình P dân quân xã Tân Mỹ,...

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,40 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 27,88 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,04 ha.

3.3.2.2. Đất an ninh

Diện tích đất an ninh theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 2,55 ha, tăng 0,94 ha so với năm 2021 để thực hiện các công trình xây dựng trụ sở công an các xã Tân Mỹ, Bắc Việt, Gia Miễn, Hoàng Văn Thụ, Thành Hòa.

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,10 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,39 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,34 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,10 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 0,01 ha.

3.3.2.3. Đất cụm công nghiệp:

Diện tích đất cụm công nghiệp theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 50,00 ha, tăng 50,00 ha so với năm 2021 để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Văn Lãng 1.

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 8,00 ha;

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 1,00 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 3,00 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 38,00 ha.

3.3.2.4. Đất thương mại, dịch vụ

Diện tích đất thương mại dịch vụ theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 23,20 ha, thực giảm 0,49 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Giảm 0,51 ha chuyển sang các loại đất sau:
 - + Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 0,50 ha;
 - + Đất ở tại nông thôn: 0,01 ha.
- Tăng 0,02 ha để thực hiện Dự án khuôn viên cây xanh và gian hàng trưng bày sản phẩm lấy vào đất ở tại nông thôn.

3.3.2.5. Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 263,26 ha, thực tăng 96,99 ha so với năm 2021 trong đó:

- Tăng 97,03 ha để thực hiện các dự án:
 - + Khu chế biến nông, lâm, thủy, hải sản tập trung và giới thiệu sản phẩm;
 - + Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu phi thuế quan theo quy hoạch được duyệt để thực hiện đấu giá hoặc giao đất, cho thuê đất,...

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 24,75 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 25,22 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 7,33 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 33,68 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,01 ha;
- + Đất thương mại dịch vụ: 0,50 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,45 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 1,31 ha;
- + Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối: 2,31 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 1,47 ha.
- Giảm 0,04 ha chuyển sang đất quốc phòng.

3.3.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 40,52 ha, tăng 33,55 ha để thực hiện dự án Khai thác và chế biến quặng Bauxit tại mỏ Ma Mèo, xã Tân Mỹ. Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,40 ha;

- + Đất trồng cây lâu năm: 1,05 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 9,40 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 22,70 ha.

3.3.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 45,45 ha, tăng 25,24 ha so với năm 2021 để thực hiện các dự án:

- + Mở rộng mỏ đá vôi Lũng Vạm, xã Bắc Hùng;
- + Mỏ đất đắp trên địa bàn các xã: Bắc Việt, Hoàng Việt, Hồng Thái.

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất rừng sản xuất: 19,24 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 6,00 ha.

3.3.2.8. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của huyện Văn Lãng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.552,35 ha, tăng 312,40 ha so với năm 2021 để xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, văn hoá, giáo dục, năng lượng,... trên địa bàn các xã, thị trấn.

Cụ thể các loại đất trong nhóm đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã như sau:

* *Đất giao thông*: Diện tích đất giao thông theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.152,33 ha, thực tăng 269,25 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 269,95 ha để thực hiện các dự án:

- + Xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2;
- + Dự án thành phần 2 (đoạn Hữu Nghị - Chi Lăng và tuyến nhánh kết nối với cửa khẩu Tân Thanh, Cốc Nam) thuộc dự án cao tốc Bắc Giang, Lạng Sơn;
- + Xử lý điểm tiềm ẩn TNGT Km19+800-Km20+300 QL4A, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- + Xử lý điểm đen TNGT Km9+700 - Km9+950 QL.4A; Km12+700 - Km13+200 QL4A, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- + Bến xe xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại;...

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 75,00 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 34,52 ha;

- + Đất trồng cây lâu năm: 13,95 ha;
- + Đất rừng phòng hộ: 18,00 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 119,85 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,43 ha;
- + Đất thủy lợi: 1,21 ha;
- + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,12 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 1,90 ha;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch, suối: 4,60 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 0,37 ha.
- Giảm 0,70 ha do chuyển sang các loại đất sau:
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,44 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,17 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 0,02 ha;
 - + Đất ở tại nông thôn: 0,07 ha.

* *Đất thủy lợi*: Diện tích đất thủy lợi theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 82,29 ha, thực tăng 23,17 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 24,81 ha để thực hiện các dự án:
 - + Dự án hồ chứa Hồ Co Khảo;
 - + Trạm bơm Lùng Đúc; Bản Nhùng;
 - + Đập dâng Lọ Trà;
 - + Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc huyện Văn Lãng, Văn Quan;...

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 12,34 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 2,20 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 8,27 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 1,98 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha.

- Giảm 1,64 ha chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất giao thông: 1,21 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 0,43 ha.

* *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 6,98 ha, tăng 0,91 ha so với năm 2021, để thực hiện các công trình xây mới, mở rộng nhà văn hóa các thôn, các xã, thị trấn. Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,25 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,26 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,05 ha;
- + Đất giao thông: 0,17 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,05 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo: 0,06 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,05 ha.

* *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3,52 ha, thực tăng 0,06 ha. Trong đó:

- Tăng 0,16 ha lấy vào đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện dự án Trạm y tế xã Bắc Việt.

- Giảm 0,10 ha chuyển sang các loại đất:

- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,05 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,05 ha.

* *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 27,35 ha, thực tăng 0,59 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 0,65 ha để thực hiện các dự án:

- + Trường tiểu học và THCS xã Thụy Hùng;
- + Mở rộng trường tiểu học xã Thành Hòa (Mở rộng tiểu học xã Thành Hòa);
- + Trường mầm non xã Trùng Khánh.

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,04 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,01 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,60 ha.

- Giảm 0,06 ha chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa.

* *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11,89 ha, tăng 4,30 ha với năm 2021 để thực hiện các dự án:

- + Dự án sân thể thao các xã Tân Thanh, Trùng Khánh, Nhạc Kỳ, Thanh Long.
- + Dự án sân thể thao thôn Nà Tông;
- + Xây mới sân vận động thị trấn Na Sầm.

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,97 ha;

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 2,20 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,40 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,56 ha;
- + Đất giao thông: 0,02 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 0,15 ha.

* *Đất công trình năng lượng*: Diện tích đất công trình năng lượng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 188,18 ha, tăng 1,20 ha so với năm 2021 để thực hiện các công trình:

- + Chống quá tải lưới điện trên địa bàn các xã, thị trấn;
- + Công trình năng lượng trên địa bàn các xã, thị trấn;
- + Nâng cao năng lực mạch vòng Đồng Đăng - Đồng Mỏ và độ tin cậy cung cấp điện khu vực 03 huyện Văn Lãng, Tràng Định, Bình Gia;
- + Cải tạo NR Hoàng Việt - Thụy Hùng thuộc lộ 377E13.6,...

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,29 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,36 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,29 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,19 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,05 ha.

* *Đất công trình bưu chính viễn thông*: Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1,24 ha, không biến động so với năm 2021.

* *Đất có di tích lịch sử văn hóa*: Diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 0,95 ha, tăng 0,15 ha so với năm 2021 để thực hiện dự án Nâng cấp khu lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Lấy vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa: 0,14 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 0,01 ha.

* *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 25,74 ha, tăng 5,50 ha so với năm 2021 để thực hiện các dự án:

- + Bãi đổ thải, xã Bắc Hùng;
- + Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm

không khói, xã Bắc Việt.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất rừng sản xuất: 3,00 ha;

+ Đất chưa sử dụng: 2,50 ha.

* *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 47,02 ha thực tăng 7,27 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 7,40 ha lấy vào đất rừng sản xuất để thực hiện dự án Xây mới khu nghĩa trang tại xã Tân Mỹ.

- Giảm 0,13 ha chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,01 ha;

+ Đất giao thông: 0,12 ha.

* *Đất chợ*: Diện tích đất chợ theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 4,86 ha không thay đổi so với năm 2021.

3.3.2.9. *Đất khu vui chơi giải trí công cộng*

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3,38 ha, tăng 3,30 ha để thực hiện Dự án xây dựng khu đô thị phía nam thị trấn.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 0,88 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 1,24 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 1,18 ha.

3.3.2.10. *Đất ở tại nông thôn*

Diện tích đất ở tại nông thôn theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 459,39 ha, thực tăng 28,32 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 31,61 ha để thực hiện các dự án:

+ Dự án xây dựng khu dân cư Tân Thanh (Khu I+Khu II);

+ Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xã Tân Mỹ);

+ Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn trên địa bàn các xã.

Lấy vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa: 9,84 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 12,05 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 2,98 ha;

+ Rừng phòng hộ: 0,08 ha;

- + Đất rừng sản xuất: 3,71 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 1,25 ha;
- + Đất thương mại dịch vụ: 0,01 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,50 ha;
- + Đất phi nông nghiệp khác: 0,06 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 1,13 ha.
- Giảm 3,29 ha chuyển sang các loại đất sau:
 - + Đất thương mại, dịch vụ: 0,02 ha;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,31 ha;
 - + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 1,96 ha.

3.3.2.11. Đất ở tại đô thị

Diện tích đất ở tại đô thị theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 59,07 ha, tăng 20,68 ha so với năm 2021 để thực hiện các dự án:

- Đấu giá khu 3 (Ao cạn);
- Đấu giá đất ở (Ao thủy nông);
- Dự án xây dựng khu đô thị phía nam thị trấn;
- Chuyển mục đích đất ở trên địa bàn thị trấn Na Sầm,...

Lấy vào các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 10,20 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,57 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 4,39 ha;
- Đất rừng sản xuất: 0,07 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,25 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,20 ha.

3.3.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 14,73 ha, thực tăng 1,24 ha so với năm 2021. Trong đó:

- Tăng 1,34 ha để thực hiện công trình:
 - + Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng;
 - + Xây mới trụ sở UBND xã Bắc La.
- Lấy vào các loại đất sau:
 - + Đất trồng lúa: 0,69 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,10 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm: 0,10 ha;
 - + Đất rừng sản xuất: 0,20 ha;

- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,10 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,05 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 0,10 ha.
- Giảm 0,10 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 0,10 ha;

3.3.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Diện tích đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 0,05 ha, không biến động so với năm 2021.

3.3.2.14. Đất cơ sở tín ngưỡng

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 10,74 ha, tăng 0,05 ha so với năm 2021 lấy vào đất rừng sản xuất để thực hiện công trình tín ngưỡng thuộc dự án xây dựng khu đô thị phía nam thị trấn.

3.3.2.15. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 964,08 ha, giảm 6,91 ha so với năm 2021 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,31 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 4,60 ha.

3.3.2.16. Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 20,07 ha, không biến động so với năm 2021.

3.3.2.17. Đất phi nông nghiệp khác

Diện tích đất phi nông nghiệp khác theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 4,78 ha, giảm 0,06 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

3.3.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Trong năm 2022, đất chưa sử dụng còn 2.627,56 ha, giảm 34,63 ha so với năm 2021 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất an ninh: 0,01 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,47 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 22,70 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 6,00 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 3,02 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 1,13 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,20 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha.

3.3.4. Kế hoạch sử dụng đất đô thị

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Văn Lãng, diện tích đất đô thị là 1.467,98 ha (bao gồm toàn bộ diện tích của thị trấn Na Sầm), không biến động so với năm 2021.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tổng diện tích các loại đất cần chuyển mục đích như sau:

- * Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 558,94 ha. Trong đó:
 - Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 143,24 ha (Đất chuyên trồng lúa nước 120,40 ha).
 - Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 86,07 ha.
 - Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 43,55 ha.
 - Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp: 18,08 ha.
 - Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 265,96 ha.
 - Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2,04 ha.
- * Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 25,28 ha.
 - Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 0,63 ha.
 - Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 1,68 ha.
 - Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản: 0,48 ha.
 - Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng: 22,49 ha.
 - + Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 0,05 ha.
- * Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 0,57 ha.

(Chi tiết tại Biểu 07/CH. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích các loại đất cần thu hồi theo kế hoạch sử dụng đất năm 2022 như sau:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là: 525,33 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng lúa: 136,81 ha (Đất chuyên trồng lúa nước: 114,88 ha).
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 76,20 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm: 37,72 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ: 18,00 ha;
 - + Đất rừng sản xuất: 254,92 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 1,68 ha.
- Tổng diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là: 12,58 ha. Trong đó:

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,04 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 2,18 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 3,29 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha;
- + Đất sông, ngòi, kênh rạch: 6,91 ha;
- + Đất phi nông nghiệp khác: 0,06 ha.

(Chi tiết tại Biểu 08/CH. Kế hoạch thu hồi đất năm 2022)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm 2022, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng với tổng diện tích 34,63 ha cho các mục đích sau:

- Đất an ninh: 0,01 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,47 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 22,70 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 6,00 ha;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 3,02 ha;
- Đất ở nông thôn: 1,13 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,20 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,10 ha.

(Chi tiết tại Biểu 09/CH. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022)

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

- Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thu hồi trong năm kế hoạch là 86 công trình, dự án với tổng diện tích 577,76 ha.

- Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch là 49 công trình, dự án với tổng diện tích 381,88 ha.

- Các công trình, dự án sử dụng vào các mục đích hạ tầng, kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất cần thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh là 07 công trình, dự án với tổng diện tích 45,20 ha.

Chi tiết danh mục các công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được thể hiện tại Biểu 10/CH.

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Cơ sở tính toán

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Văn Lãng - tỉnh Lạng Sơn được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2024.
- Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 (lần 1).
- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Văn Lãng.

3.8.2. Phương pháp tính toán

** Đối với các khoản thu:*

- Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn đất ở tại đô thị;

- Thu tiền đấu giá đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị;

- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

** Đối với các khoản chi:*

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất lâm nghiệp;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn;

- Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, lập quy hoạch chi tiết;

- Chi hỗ trợ 40% tổng số tiền chi sử dụng đất.

** Về giá các loại đất:*

Căn cứ xác định đơn giá các loại đất:

+ Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2024;

+ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 (lần 1).

** Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:*

Theo cơ chế bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất, tài sản trên đất, và các hỗ trợ khác trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án.

3.8.3. Kết quả tính toán

Ước tính cân đối thu - chi từ đất trên địa bàn huyện trong năm kế hoạch được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 8: Dự kiến các khoản thu chi trong năm 2022

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I	Tổng thu			175,10
1	Thu tiền từ đấu giá đất ở nông thôn	0,08	1.200.000	0,96
2	Thu tiền từ đấu giá đất ở đô thị	1,47	2.200.000	32,34
3	Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn	5,35		13,62
3.1	Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn các xã khu vực I	3,73	300.000	11,19
3.2	Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn các xã khu vực II	1,62	150.000	2,43
3	Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị	8,93	900.000	80,37
4	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ	9,13	780.000	47,81
II	Tổng chi			151,90
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	137,06	48.000	65,79
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác	76,45	42.000	32,11
3	Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	1,68	33.000	0,55
4	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	37,97	37.000	14,05
5	Chi bồi thường khi thu hồi đất lâm nghiệp	163,86	7.000	11,47
6	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	3,29	832.000	27,37
7	Chi bồi thường khi thu hồi đất thương mại, dịch vụ	0,04	138.000	0,55
	Cân đối thu chi			23,21

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Sử dụng đất trong các công trình, dự án phải có đánh giá tác động về môi trường. Xây dựng và thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, thường xuyên kiểm tra, quan trắc chất lượng nước thải, khí thải ở các cơ sở sản xuất kinh doanh để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về môi trường.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích trồng lúa của các xã. Khoanh định ranh giới diện tích trồng lúa có chất lượng cần được bảo vệ nghiêm ngặt, hạn chế tối đa việc chuyển đất lúa sang các mục đích khác.

- Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có trên địa bàn. Có chính sách khuyến khích cải tạo đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông lâm nghiệp.

- Tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo lợi ích cho các xã giữ nhiều diện tích trồng lúa, diện tích rừng. Có biện pháp hỗ trợ về giống, vật tư, phân bón để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa, trồng rừng, tạo mọi điều kiện để họ yên tâm sản xuất.

- Bảo vệ đất trồng lúa, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng mới trên đất trống, bảo vệ rừng phòng hộ, phát triển vốn rừng, cải thiện môi trường sinh thái.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả đi đôi với phát triển bền vững.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Huyện cần thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý Nhà nước mới và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sử dụng đất đai cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước, đặc biệt là cán bộ, công chức phòng Tài nguyên và Môi trường, địa chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Có các chính sách đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn cho đội ngũ cán bộ thôn, xã, thị trấn, huyện về kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý chương trình, dự án; kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Có chính sách thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật giỏi, hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ công tác tại huyện.

- Huyện cần thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ huyện về xã, thị trấn đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Mở rộng hệ thống, loại hình đào tạo nghề, đổi mới công tác hướng nghiệp và tập trung đào tạo nghề gắn với các cụm công nghiệp, khai thác khoáng sản, chế biến nông - lâm sản để đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện được phê duyệt, tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất huyện Văn Lãng theo đúng quy định để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã và thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Xây dựng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả; kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện về quản lý nhà nước đối với đất đai; đề xuất các biện pháp quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo Luật Đất đai hiện hành, hướng dẫn các ngành sử dụng đất có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ tài nguyên đất và môi trường.

4.4. Các giải pháp khác

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

- Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Văn Lãng đã thể hiện định hướng sử dụng đất trên địa bàn huyện, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh, đồng thời đây là công cụ quan trọng để UBND huyện, các cấp, các ngành thực hiện việc quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật.

- Phương án được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý: Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của các ngành, các xã, thị trấn trong huyện, dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND huyện. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ.

- Nội dung phương án khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển đúng hướng, ổn định.

- Phân phối đất đai hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Phương án đã chú trọng phân bổ đất đai cho các mục đích quốc phòng an ninh, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đô thị và khu dân cư vùng nông thôn, cũng như đẩy mạnh khai hoang mở rộng diện tích, chuyển đổi cơ cấu diện tích cây trồng trong nông lâm nghiệp, tạo ra không gian rộng lớn để bố trí phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khai thác triệt để tài nguyên đất đai theo hướng sử dụng đất bền vững.

- Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất được tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, theo định mức sử dụng đất; khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của huyện, khắc phục lãng phí trong việc giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất đai, đề nghị:

- Đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, tạo mọi điều kiện thuận lợi để kế hoạch sử dụng đất được thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn quan tâm dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để kế hoạch sử dụng đất được triển khai thực hiện. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài nhằm tạo được sự đồng thuận cao cho việc thực hiện tốt phương án thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn xem xét, phê duyệt để làm cơ sở thống nhất cho công tác quản lý, sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất trên địa bàn huyện./.